

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 - TN**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21-7-2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Thúy**.

2. Ông **Huỳnh Thanh Hùng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Cao Cường – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12 – TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – TN tham gia phiên tòa:
Ông Trần Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 – TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng giải quyết vụ án dân sự số 05/2025/QĐ-TA ngày 21/7/2025, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị **TTCT**, sinh ngày 23/9/1992, CCCD số 072192004003, do Cục Cảnh sát cấp ngày 27/10/2022; Địa chỉ: Khu phố Lộc Vĩnh, phường Lộc Hưng, thị xã TrB, tỉnh TN (nay là khu phố Lộc Vĩnh, phường AT, tỉnh TN) (Có đơn xin vắng mặt).

* **Bị đơn:** Anh **TMN**, sinh ngày 07/6/1990, CCCD số 072090000486, do Cục Cảnh sát cấp ngày 11/8/2021; Địa chỉ: Khu phố Suối Sâu, phường AT, thị xã TrB, tỉnh TN (nay là khu phố Suối Sâu, phường AT, tỉnh TN) (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 18/12/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị TTCT trình bày:

Về hôn nhân: Chị T.và anh Nh. là vợ chồng, chung sống từ năm 2023, có đăng ký kết hôn ngày 20/4/2023 tại Ủy ban nhân dân phường AT, thị xã TrB, tỉnh TN. Anh chị tự nguyện chung sống cùng nhau, không bị ai ép buộc và chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp trong cuộc sống, bất đồng quan điểm nên dẫn đến cãi vã, vợ chồng không có hạnh phúc. Anh chị đã cho nhau nhiều cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả và anh chị đã sống ly thân từ tháng 9/2024 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T.yêu cầu ly hôn với anh Nh..

Về con chung: Chị T.khai nhận không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T.không yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung. Không ai khác nợ lại anh chị.

- Theo Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 21/5/2025, bị đơn anh TMN trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nh. thống nhất lời trình bày của chị T.về quan hệ hôn nhân. Anh chị tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 20/4/2023 tại Ủy ban nhân dân phường AT, thị xã TrB, tỉnh TN. Anh chị có thời gian sống ly thân, cụ thể từ ngày 02/4/2025 đến nay, tuy nhiên, cuộc sống gia đình không có mâu thuẫn gì nên nay anh Nh. không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị Tiên.

Về con chung: Anh Nh. khai nhận không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nh. khai nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không ai nợ lại anh chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – TNtham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T.và anh Nh. đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị Tiên, anh Nh. có có đăng ký kết hôn ngày 20/4/2023, là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, chị T.yêu cầu ly hôn, nhưng

anh Nh. mong muốn đoàn tụ nhưng anh chị không có tiếng nói chung nên không hàn gắn được.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng đã không còn, hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. đối với anh Nh. theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị T. phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Tiên, anh Nh. vắng mặt và đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị T. và anh Nh. theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét về quan hệ hôn nhân của chị T. và anh Nh. thấy rằng: Chị T. và anh Nh. chung sống từ năm 2023, có đăng ký kết hôn ngày 20/4/2023 tại Ủy ban nhân dân phường AT, thị xã TrB, tỉnh TN. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, theo chị T. là do tính tình không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, anh Nh. ham chơi, gây nợ nần, không có trách nhiệm với gia đình và anh chị đã sống ly thân từ tháng 9/2024 cho đến nay. Về phía Nh., anh Nh. không đồng ý ly hôn với chị Tiên, vì xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì, đồng thời cũng mong muốn đoàn tụ cùng chị T. nhưng anh Nh. không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị Tiên, anh Nh. chung sống hạnh phúc thời gian ngắn, mâu thuẫn xảy ra nhưng anh chị không hàn gắn, không quan tâm, giúp đỡ nhau trong thời gian chung sống. Nhận thấy, đời sống chung của anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Tiên, anh Nh. đều khai nhận không có con chung nên không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tiên, anh Nh. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T.phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – TN là hợp lý cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị TTCT đối với anh TMN. Chị TTCT được ly hôn với anh TMN.

2. Về con chung: Chị TTCT, anh TMN khai nhận không có nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị TTCT, anh TMN không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị TTCT phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị TTCT đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0012699 ngày 16/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TrB, tỉnh TN (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 12 – TN), ghi nhận chị TTCT đã nộp xong tiền án phí.

Chị TTCT, anh TMN vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND KV12-TN;
- Phòng THADS KV12-TN;
- UBND p. AT, tỉnh TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Vân